

Biện pháp chủ yếu để bài trừ nạn tảo hôn và bảo đảm tự do kết hôn là tuyên truyền, vận động, thuyết phục cả ông bà, cha mẹ lẫn con cái, trước hết là ông bà, cha mẹ đôi bên nam nữ. Muốn làm tốt công tác này các cấp chính quyền cần phải phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể thanh niên và phụ nữ địa phương mình.

Hà nội, ngày 17 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

NGHỊ ĐỊNH số 441-NV ngày 17-11-1958
chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu
tỉnh Hòa bình làm ba xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13-8-1958 về việc thành lập và sửa đổi địa giới các xã, thị xã:

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính tỉnh Hòa bình:

Xét việc chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu có lợi cho sinh hoạt của nhân dân và sự lãnh đạo công tác chính quyền địa phương:

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu, tỉnh Hòa bình làm ba xã:

— Xã Phúc sạn gồm các xóm: Gò mu, Gò-lào, Phúc, Nọt, Xốp, Sạn, So lo, Cửa um.

— Xã Tân mai gồm các xóm: Đồi, Khoang, Nánh, Thăm nhân, Mo rút, Sudi lớn.

— Xã Ba khan gồm các xóm: Khan hồ, Khan thượng, Khan hạ.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính tỉnh Hòa bình, ông Giám đốc Vụ Tổ chức Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 17 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

NGHỊ ĐỊNH số 443 - NV ngày 18-11-1958 chia hai xã Kim sơn và Tân lĩnh thuộc huyện Tùng thiện tỉnh Sơn tây thành bốn xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13-8-1948 về việc thành lập và sửa đổi địa giới các xã, thị xã:

Căn cứ thông tư của Thủ tướng Chính phủ số 356-TTg ngày 4 tháng 1 năm 1954 về việc chia xã;

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn tây:

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay chia hai xã Kim sơn và Tân lĩnh thuộc huyện Tùng thiện tỉnh Sơn tây thành bốn xã lấy tên: Kim sơn, Yên sơn, Tân lĩnh và Vân sơn.

Xã Kim sơn gồm các xóm: Kim đá, Ngãi sơn, Kim trung, Nhà thờ, Phú sơn.

Xã Yên sơn gồm các xóm: Yên bài, Muối, Quýt, Chống, Ba trại.

Xã Tân lĩnh gồm các xóm: Hiệu lực, Thịnh phú, Ké, Gò sông, Đầm, Bát, Gò chu, Tân mỹ, Mỹ đức.

Xã Vân sơn gồm các xóm: Muồng, Phú đông vàng, Nghe, Rùa, Soan, Bơn, Góc Đa, Bận.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn tây, ông Giám đốc Vụ Tổ chức Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 113-TC/KTKT ngày 13-11-1958 quy định tạm thời về việc trích tiền để thưởng sáng kiến phát minh.

Thông tư số 4-LĐTT ngày 8-3-1958 của Bộ Lao động đã ban hành chế độ thưởng sáng kiến phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nhưng đến nay chưa có văn kiện nào quy định cụ thể về các ngành, các địa phương được trích tiền ở đâu để làm tiền thưởng.

Vì thế cho nên việc khen thưởng giải quyết không được kịp thời, do đó mà chưa phát huy được tác dụng khuyến khích sản xuất của chế độ thưởng.

Tiền thưởng sáng kiến phát minh không phải lấy ở quỹ tiền thưởng xí nghiệp để trả. Khi tính tiền thưởng sáng kiến, phát minh cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phải căn cứ vào hiệu quả kinh tế (nhiều hay ít) thu được do áp dụng những sáng kiến phát minh ấy. Cho nên nguồn tiền để trích làm tiền thưởng này lấy ở kết quả tiết kiệm được sau khi đã áp dụng những sáng kiến phát minh đó.

Căn cứ theo tinh thần trên, sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, tại công văn số 5083/TN ngày 3-11-1958, Bộ Tài chính tạm thời quy định:

1. — Đối với các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, bao thầu, nói chung tiền thưởng sáng kiến phát minh đều lấy ở vốn lưu động ra để chi và sẽ phân

bỏ dần vào giá thành của sản phẩm hoặc giá thành công trình.

2.— Riêng đối với các đơn vị kiến thiết cơ bản tự làm, để đơn giản thủ tục hạch toán, tiền thưởng này có thể trích ở vốn kiến thiết cơ bản để trả, không hạch toán vào giá thành mà sẽ ghi vào khoản trích trước và được duyệt bỏ khác.

3.— Nói « phân bổ vào giá thành của sản phẩm » tại điểm 1 ở trên là nói *giá thành công xưởng của sản phẩm*, nhưng cần phân biệt như sau :

a) Nếu kết quả của sáng kiến phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất chỉ có tác dụng trong phạm vi một phân xưởng thì hạch toán khoản chi về tiền thưởng vào kinh phí phân xưởng.

b) Nếu kết quả đó có tác dụng rộng hơn, tức là trong phạm vi toàn xí nghiệp, thì hạch toán khoản chi đó vào quản lý phí xí nghiệp.

Quy định cách hạch toán như trên là vì bản chất tiền thưởng sáng kiến phát minh không phải là một hình thức tiền lương. Cách hạch toán này có khác với cách hạch toán các loại tiền thưởng mà bản chất là một hình thức tiền lương như tiền thưởng tăng năng suất, tiền thưởng tiết kiệm, tiền thưởng an toàn lao động; các loại tiền thưởng này đều hạch toán vào tiền lương của công nhân sản xuất.

Hà nội, ngày 13 tháng 11 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

BỘ NÔNG LÂM

NGHỊ ĐỊNH số 10-NL/NĐ ngày 9-10-1958

bỏ khuyết bảng sắp xếp, khu vực sản xuất đình theo nghị định số 14-NL/NĐ/QT ngày 16-10-1957 sửa đổi giá bán các loại gỗ, củi, than tại các khu vực sản xuất.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG LÂM

Căn cứ nghị định số 996-TTg ngày 3-10-1955 ban hành điều lệ tạm thời về khai thác gỗ củi;

Căn cứ nghị định số 8-LB/CN/TC/NĐ và số 9-LB/CN/TC/NĐ ngày 21-8-1955 và 25-10-1954 của Bộ Nông lâm và Tài chính ấn định cách tính giá bán lâm sản;

Căn cứ nghị định số 1-LB/NĐ ngày 19-1-1956 của Liên bộ Nông lâm — Tài chính — Tư pháp bỏ khuyết hai nghị định số 8 và 9-LB/CN/TC/NĐ kể trên;

Căn cứ nghị định số 9, 10, 19, 4 và 14 NL/NĐ/QT ngày 19-3-1956, 13-6-1956, 20-10-1956, 1-3-1957 và 16-10-1957 ấn định giá bán lâm sản ở các khu vực sản xuất;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Vụ Lâm nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Nay bỏ khuyết bảng sắp xếp khu vực sản xuất đình theo nghị định số 14-NL/NĐ/QT ngày 16-10-1957 như sau :

Khu rừng Mỹ sơn thuộc tỉnh Hà Tĩnh xếp vào khu vực 4.

Điều 2.— Các ông Chánh Văn phòng Bộ Nông lâm, Giám đốc Vụ Lâm nghiệp, Chủ tịch Ủy ban Hành chính các liên khu, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 10 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông lâm

Thứ trưởng,

NGUYỄN TẠO

THÔNG TƯ số 11-TT/NL ngày 11-10-1958

giải thích và quy định cụ thể chế độ gia dụng lâm sản.

Kính gửi : Các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh thành phố
Các ông Giám đốc khu, sở,
Các ông Trưởng ty Nông lâm và
Lâm nghiệp.

Trong điều lệ khai thác gỗ củi, của Thủ tướng phủ ban hành năm 1955 có quy định : « Nhân dân miền núi cần củi, gỗ gia dụng với số lượng ít, được miễn xin giấy phép khai thác và miễn trả tiền bán lâm sản nhưng phải được Ủy ban Hành chính xã chứng nhận »

Vì quan niệm chế độ gia dụng chưa rõ ràng, nên các địa phương thi hành không thống nhất và lúng túng.

Đồng bào cũng hiểu lầm là được hưởng quyền gia dụng lâm sản thì muốn sử dụng lâm sản thế nào cũng được, nên đã xảy tình trạng lãng phí, lạm dụng, lợi dụng.

Để bỏ khuyết tình trạng trên, Bộ giải thích rõ tinh thần chế độ lâm sản gia dụng như sau :

Chế độ cho hưởng quyền « lâm sản gia dụng » cho đồng bào miền núi nhằm chiếu cố thích đáng đến quyền lợi của nhân dân thực sự ở những khu vực liên rừng, có nhiệm vụ thường xuyên trực tiếp bảo vệ rừng như thực hiện và theo dõi việc thực hiện quy ước bảo vệ rừng, tham gia công tác tu bổ rừng, phòng, chống lửa rừng v.v...

Nhân dân ở những thôn xóm xa rừng, không có điều kiện thường xuyên trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ rừng thì không được hưởng quyền gia dụng.

09669540

www.ThuVienPhapLuat.com